

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày 26/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Trần Mạnh Dũng*

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Nguyễn.

Bà Đỗ Thị Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn –
Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/TLST- HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/HSST-QĐXX ngày 12 tháng 4 năm 2018 đối với bị
cáo:

Võ Tấn Sáu - Sinh năm: 1970

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 11, thị trấn H, T, Quảng Nam. Nghề nghiệp: Nông.
Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông Võ Tấn H (1932) và bà Nguyễn Thị C (chết); có vợ là
bà Phan Thị Thanh X và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt
tại phiên tòa.

- Người bị hại: Võ Tấn N, sinh năm 1991. Vắng mặt.

- Lê Thị Lệ H – Sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 11, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Võ Thị H - sinh năm 1964. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 11, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Nguyễn Thị L - Sinh năm 1953. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 6, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được
tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 7 giờ 15 phút ngày 11/11/2017, bị cáo lén lút đột nhập vào nhà vợ
chồng anh Võ Tấn N lấy trộm 6 khâu (*nhẫn*) vàng 9999 (*gồm năm khâu vàng 5 phân và
một khâu vàng 3 phân*) có tổng khối lượng 2,8 chỉ vàng trị giá 10.080.000 đồng (*Mười
triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*). Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển

xe mô tô biển kiểm soát 92F7-1913 đem số vàng đã trộm cắp được ở nhà anh N ra tiệm vàng Long (*Tổ 6, thị trấn H*) bán với giá 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ngàn đồng y*). Sau khi bán vàng xong, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*), số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng y*) còn lại bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để phục vụ cho việc điều tra.

Tại bản kết luận số 63/KL-HĐĐG ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 06 (*sáu*) khâu (*nhẫn*) vàng 9999 (*vàng 24k*) có tổng khối lượng 2,8 chỉ vàng có giá trị là: 10.080.000 đồng (*Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*)

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 01.02.2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Tấn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Sáu về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, BLHS 2015; các điểm h, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo: Võ Tấn S từ 06- 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Về dân sự: Người bị hại anh Võ Tấn N đã nhận số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng y*) là số tiền S đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Anh N không yêu cầu S phải bồi thường thêm và đã có đơn bãi nại nên đề nghị HĐXX không xét.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Tấn S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp. Riêng cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 01.02.2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Tấn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là chưa đúng qui định của pháp luật. Cụ thể hành vi trộm cắp của bị cáo Võ Tấn S xảy ra ngày 11/11/2017 tức trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2018) và khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 không nhẹ hơn khung hình phạt khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 nên không hề có lợi cho người phạm tội là Võ Tấn S. Do vậy theo qui định tại các điểm a, b, khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của bộ luật tố tụng hình sự số

101/2015/QH13, thì hành vi phạm tội của bị cáo Võ Tấn S phải được truy tố theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) mới phù hợp với qui định của pháp luật hình sự hiện nay. Tòa án nhân dân huyện T đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Tấn S theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 nhưng Viện kiểm sát huyện T không thực hiện.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Tấn S thừa nhận sáng ngày 11/11/2017, bị cáo Võ Tấn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 06 (sáu) khâu (nhẫn) vàng 9999 (vàng 24k) có tổng khối lượng 2,8 chỉ vàng có giá trị là: 10.080.000 đồng của vợ chồng anh N, khi vợ chồng anh N đi vắng rồi đem đến tiệm vàng Long (Tổ 6, thị trấn H) bán với giá 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng y). Sau khi bán vàng xong, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng), số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng y) còn lại bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để phục vụ cho việc điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Võ Tấn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và hành vi trộm cắp của bị cáo Võ Tấn S xảy ra ngày 11/11/2017 tức trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2018) và khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 không nhẹ hơn khung hình phạt khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 nên không hề có lợi cho người phạm tội là Võ Tấn S. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Tấn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là chưa phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Tấn S không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe bị cáo và tạo tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Võ Tấn S có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; giá trị tài sản trộm cắp không lớn, giá trị tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 và xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm nên HĐXX áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Tấn N đã nhận lại 8.000.000 đồng và đã có yêu cầu bãi nại về dân sự, không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

[5] **Biên pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy thu số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*) là phần tiền mà bị cáo Võ Tấn S bán số vàng trộm cắp có được nhưng đã tiêu xài để sung công quỹ nhà nước.

[6] **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc bị cáo Võ Tấn S phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

[7] Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Võ Tấn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2015); các điểm h, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo: Võ Tấn S từ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Võ Tấn S về UBND thị trấn H, huyện T nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách .

3. Biên pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên: Truy thu số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*) của Võ Tấn S để sung công quỹ nhà nước.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc bị cáo Võ Tấn S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng y*) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình
- THADS huyện Thăng Bình
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Mạnh Dũng

